

Bình Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tiếp thu ý kiến thẩm tra Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Báo cáo số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19/6/2023 của HĐND tỉnh về việc thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 11 (giữa năm 2023), Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X.

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023, với các nội dung như sau:

#### I. Ý kiến thẩm tra Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo phương án đề xuất của UBND tỉnh đảm bảo tuân thủ theo khung giá do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 và cơ bản đảm bảo, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh tên gọi của Dự thảo Nghị quyết thành “**Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023**”

#### II. Nội dung tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

1. Chỉnh sửa tên gọi của Dự thảo Nghị quyết thành “Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023”

2. Chỉnh sửa khoản 1, Điều 1 Dự thảo Nghị quyết (Phạm vi điều chỉnh) như sau:

Nghị quyết này quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023.

#### III. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết sau chỉnh sửa như sau.

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.



Nghị quyết này quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023.

## 2. Đối tượng áp dụng.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

### 1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m <sup>3</sup>	840	600
		đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng/năm		250
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối ( $m^3$ ) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th bc 04-023).



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO SAU CHỈNH SỬA**

**NGHỊ QUYẾT  
Quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND/KTNS ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023.

2. Đối tượng áp dụng.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
a	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
b	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
a	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900
b	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m <sup>3</sup>	840	600
		đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng/năm		250
c	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá ....., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTYT, TTHĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội, UBND tỉnh, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**